

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2025/DS-ST

Ngày: 29/8/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kiên Hiên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Nhật Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 870/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Mỹ D, sinh năm 1966. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ - L (trước đây là xã B, huyện Đ), tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: B A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: D T, phường X (trước đây là phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2024, các lời khai và các Biên bản không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D trình bày:

Ngày 05/05/2021, bị đơn ông Nguyễn Huy H có mượn tiền của bà với số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời gian mượn là 01 (một) tháng không tính lãi và hẹn đến ngày 30/05/2021 sẽ trả hết một lần, nhưng đến nay ông Nguyễn Huy H vẫn không trả tiền như giấy mượn tiền ngày 05/05/2021.

Tiền của bà D là tiền buôn bán mà có và cũng do ông H năn nỉ mượn nóng và có sự bảo lãnh của bà Đỗ Thị Lệ D1 nên bà đã cho ông H mượn tiền trong 01 (một) tháng, vì nguyên cũng được biết ông H đang tranh chấp nhà tại địa chỉ: D T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và có miếng đất 1500m² tại đường T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H cũng hứa sau khi lấy được tiền do Chi Cục Thi Hành Án Quận 3 bán đấu giá căn nhà tại địa chỉ D T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ chuyển trả tiền cho bà D.

Tuy nhiên, nguyên đơn đã gọi điện và nhắn tin rất nhiều lần từ 30/05/2021 đến nay nhưng ông H đã rời khỏi nơi cư trú tại địa chỉ: D T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và hoàn toàn không trả lời tin nhắn cũng không gọi điện thoại lại cho cho bà dù điện thoại của ông vẫn hoạt động bình thường. Sau ngày 31/05/2021, ông H bỏ luôn số điện thoại 090244129. Cho đến nay bà không liên lạc được với ông H. Nguyên đơn nghi ngờ ông H cố tình muốn chiếm đoạt số tiền vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của nguyên đơn, vì sự im lặng không trả lời hoặc điện thoại của ông H trong suốt thời gian qua.

Nguyên đơn được biết ông H đã lấy được số tiền bán căn nhà tại địa chỉ: D T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào cuối tháng 06/2021 do Chi Cục Thi Hành Án Quận 3 đã chuyển tiền vào tài khoản ông H. Vì số tiền trên, nguyên đơn chỉ cho ông H vay là không tính tiền lãi theo thời gian thỏa thuận là 01 (một) tháng (05/05/2021 – 30/5/2021) trong giấy mượn tiền mà không có thế chấp tài sản đảm bảo gì.

Ngoài ra, ông Nguyễn Huy H có quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 193, tờ bản đồ số: 14, địa chỉ: đường T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (diện tích đất: 1500m² đất có 3 mặt tiền) và hiện tại có một phần đất trong thửa đất trên nằm trong diện quy hoạch của xã T được bồi thường. Hiện nay tiền bồi thường đã có do ông H chưa hoàn tất đầy đủ giấy tờ theo thủ tục nên chưa nhận được tiền bồi thường của một phần thửa đất trên.

Nay nguyên đơn bà D yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm trả tiền nợ phát sinh (theo giấy mượn tiền đề ngày 05/5/2021) số tiền cụ thể như sau:

- Số tiền gốc là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);

- Tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/6/2021 đến ngày 23/06/2025 là: 48 tháng 22 ngày x 10%/năm x 50.000.000 đồng = 20.305.555 đồng (hai mươi triệu ba trăm lẻ năm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Tổng cộng: 70.305.555 đồng (bảy mươi triệu ba trăm lẻ năm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Huy H đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông H vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông H.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và tại đơn xin vắng mặt bà xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Huy H có trách nhiệm trả cho bà số tiền:

Tiền nợ gốc: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Tiền nợ lãi tạm tính từ ngày 01/6/2021 đến 29/8/2025 là: 04 năm 02 tháng 28 ngày với mức lãi suất 10%/năm tính trên tiền nợ gốc là: 21.220.000 đồng (hai mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Tổng cộng: 71.220.000 đồng (bảy mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Việc thanh toán thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với chi phí tố tụng: chi phí giám định chữ ký và tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Huy H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D tranh chấp hợp đồng vay tiền bị đơn ông Nguyễn Huy H có hộ khẩu thường trú tại D T, phường X (trước đây phường V, Quận C) Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 26 xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Căn cứ các kết quả xác minh Công an phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1971 có HKTT: 48 T, phường X (trước đây phường V, Quận C) Thành phố Hồ Chí Minh, bản thân không thực tế cư trú tại địa phương; không rõ nơi cư trú. Căn cứ Điều 11 Luật cư trú thì xác định nơi cư trú của ông H là nơi có Hộ khẩu thường trú là 48 T, phường X (trước đây phường V, Quận C) Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn ông Nguyễn Huy H đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Huy H.

Xét, nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bị đơn ông Nguyễn Huy H đã được triệu tập tham gia vụ án hợp lệ tuy nhiên không có mặt nên không xuất trình bất kỳ chứng cứ liên quan do đó căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án để xem xét.

[3.1] Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc:

Xét giấy mượn tiền ngày 5/5/2021 có nội dung: “Tôi Nguyễn Huy H ... tôi có mượn của bà Đỗ Thị Mỹ D S tiền: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng chẵn). Thời gian mượn và trả: mượn từ ngày 05/5/2021 ngày trả 30/5/2021”. Cũng tại

giấy mượn tiền nêu trên ở góc bên trái cuối trang có nội dung: “*Tôi mượn thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn). Tổng cộng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)*”; bên dưới nội dung có chữ ký và bên dưới có đề tên Nguyễn Huy H. Tại góc trái của giấy mượn tiền có chữ ký đề tên Nguyễn Huy H.

Theo Kết luận giám định số 222/KL-KTHS ngày 07/5/2025 của Phân viện Khoa học Hình sự tại TP . – V Bộ C có nội dung: chữ ký đúng tên Nguyễn Huy H, chữ viết họ tên “Nguyễn Huy H” dưới chữ ký trên tài liệu cần giám định “Giấy mượn tiền đề ngày 5 tháng 5 năm 2021 với mẫu so sánh trên Hợp đồng ủy quyền chứng nhận đề ngày 31/12/2020 là do cùng một người ký và viết ra.

Sau khi có kết luận giám định, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết theo quy định kết quả của phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn ông Nguyễn Huy H và ông H cũng không có ý kiến trình bày phản hồi. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, ...*”.

Xét lời khai của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D thì sau khi mượn tiền bị đơn ông Nguyễn Huy H không trả cho nguyên đơn số tiền gốc. Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Nguyễn Huy H đến giải quyết vụ án. Nhưng bị đơn ông H vắng mặt và không gửi ý kiến trình bày.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bị đơn ông Nguyễn Huy H có vay của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D S tiền: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) thời hạn trả tiền là vào ngày 30/5/2021. Trong quá trình thực hiện theo thỏa thuận, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã cho vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) là có cơ sở để chấp nhận.

[3.1] Đối với yêu cầu trả số tiền lãi phạt do chậm thanh toán:

Xét giấy mượn tiền ngày 5/5/2025 có nội dung: “*Thời gian mượn và trả: mượn từ ngày 05/5/2021 ngày trả 30/5/2021*”.

Bộ luật Dân sự quy định:

“Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều 468. Lãi suất.

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Do nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về mức lãi suất nhưng đã quá thời hạn thanh toán nhưng bị đơn vẫn không trả tiền đã vay do đó việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ chậm trả với mức lãi suất 10%/năm với thời gian trả lãi tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày 29/8/2025 là: 04 năm 02 tháng 28 ngày:

$(10\% \times 4 \text{ năm} + 10\%/12 \times 02 \text{ tháng} + 10\%/365 \times 28 \text{ ngày}) \times 50.000.000 \text{ đồng} = 21.220.000 \text{ đồng}.$

Từ những nhận định nêu trên đủ cơ sở chấp nhận việc nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn số tiền bao gồm:

Nợ gốc: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày 29/8/2025: 21.220.000 đồng (hai mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Tổng cộng: 71.220.000 đồng (bảy mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng)

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Đối với chi phí giám định: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Huy H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Huy H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D S tiền: 71.220.000 đồng (bảy mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) bao gồm:

Nợ gốc: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày 29/8/2025: 21.220.000 đồng (hai mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Việc thanh toán thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Huy H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.561.000 đồng (ba triệu năm trăm sáu mươi một ngàn đồng)

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 2.022.299 đồng (hai triệu không trăm hai mươi hai ngàn chín trăm chín mươi chín đồng) theo biên lai số 0059200 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 (nay là Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành

án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV1-TP.HCM;
- THADS TP.HCM (Phòng THADS KV1) ;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Nam Phương